TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST Ngày: *22-5- 2018* V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Xuân Đính
2. Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên toà: Ông Trương Văn Sa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy T, sinh năm 1977 (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Vũ Mạnh H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 9, KP. L, TT. C, huyện M, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trần Thị Thùy T và ông Vũ Mạnh H chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C vào năm 2010 theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai đều còn độc thân. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hòa hợp, không có hạnh phúc do vợ chồng không tin tưởng nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu giữa bà T và ông H là do vợ chồng không có con nên không có sự gắng kết với nhau. Từ năm tháng 9/2017 cho đến nay thì ông H đi làm ở Hà Giang luôn, thỉnh thoảng chỉ về thăm nhà một lần và ông bà cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu tòa giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 24/4/2018 bị đơn ông Vũ Mạnh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H thống nhất với lời trình bày của bà T về việc vợ chồng chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện M, tỉnh Bình Phước. Về mâu thuẫn vợ chồng thì ông H cho rằng vợ chồng mâu thuẫn nhau do sống chung đã lâu nhưng không có con cái. Đến tháng 9/2017 cho đến nay thì ông H đi làm ở Hà Giang, thỉnh thoảng chỉ về thăm nhà được một lần và ông bà cũng ly thân từ đó cho đến nay. Vì vậy, nay trước yêu cầu ly hôn của bà T thì ông H cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H thống nhất với bà T không yêu cầu tòa giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Ông H vắng mặt do có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến

+ Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Về thời hạn chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm; Đối với đương sự: từ khi thụ lý vụ án tới nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 234 của BLTTDS.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy bà Trần Thị Thùy T và ông Vũ Mạnh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện M, tỉnh Bình Phước vào năm 2010. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hôn nhân giữa bà T, ông H không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H

Căn cứ Điều 9, Điều 51 luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, lời khai bị đơn, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề xuất

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho bà Trần Thị Thùy T được ly hôn với ông Vũ Mạnh H

Về con chung: không có nên không đề cập

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên cũng không đề cập

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1)}Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc Ly hôntheo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do bị đơn ông Vũ Mạnh H có nơi cư trú tại tổ 9, KP. M, TT. C, huyện M, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Vũ Mạnh H nhưng do ông H đã có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

{2}Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thùy T, Hội đồng xét xử xét thấy:

{2.1}Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thùy T và ông Vũ Mạnh H tự nguyện sống chung với vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn hơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh bình phước nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay bà T cho rằng vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hòa hợp, không có hạnh phúc do vợ chồng không tin tưởng nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu giữa bà T và ông H là do vợ chồng không có con nên không có sự gắng kết với nhau. Từ năm tháng 9/2017 cho đến nay thì ông H đi làm ở Hà Giang luôn, thỉnh thoảng chỉ về thăm nhà một lần và ông bà cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Ông H cũng xác nhận vợ chồng mâu thuẫn do chung sống đã lâu nhưng không có con cái. Vì vậy trước yêu cầu ly hôn của bà T thì ông H cũng đồng ý. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa bà T và ông Hđã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T được ly hôn với ông H.

{2.2}Về nuôi con chung: không có.

{2.3}Về tài sản chung, nợ chung*:* Bà T không yêu cầu giải quyết.

{2.4}Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Nguyên đơn chị bà Trần Thị Thùy T phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. *Về hôn nhân*: Cho bà Trần Thị Thùy T được ly hôn với ông Vũ Mạnh H

2.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị Thùy T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009304 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo đúng quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ung Thị Ngọc Thanh